

MEASURES TO PROMOTE MOTIVATING FACTORS IN SCIENTIFIC RESEARCH FOR STUDENTS AT UNIVERSITY OF SCIENCE - THAI NGUYEN UNIVERSITY

Nguyen Thanh Huyen*, Truong Thi Minh Phuong

TNU - University of Science

ARTICLE INFO	ABSTRACT
Received: 22/11/2023	Scientific research activities of students in universities are extremely important. However, at the University of Sciences - Thai Nguyen University, due to the impact of many factors, scientific research activities Student learning still has many limitations. Therefore, how to promote factors that motivate students to do scientific research in order to promote the scientific research movement among students is one of the activities that needs top attention for the University of Sciences. Through the use of methods of collecting and processing information and data; investigation using questionnaires, in-depth interviews, observations..., the article clarifies research results on the current status of factors that motivate scientific research from students' awareness, lecturers' capacity, and university policies. schools, facilities, and the participation of research areas. This study also provided measures to promote factors that motivate scientific research for students at the University of Sciences. Therefore, the article has practical significance for students, the University of Sciences and is a useful reference for those interested.
Revised: 29/12/2023	
Published: 29/12/2023	

KEYWORDS

Motivating factors
Scientific research
Student
University of Science
Thai Nguyen University

BIỆN PHÁP PHÁT HUY CÁC YẾU TỐ TẠO ĐỘNG LỰC NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CHO SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC - ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

Nguyễn Thanh Huyền*, Trương Thị Minh Phương

Trường Đại học Khoa học - ĐH Thái Nguyên

THÔNG TIN BÀI BÁO	TÓM TẮT
Ngày nhận bài: 22/11/2023	Hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên trong các trường đại học có ý nghĩa hết sức quan trọng, tuy nhiên, tại trường Đại học Khoa học - Đại học Thái Nguyên, do tác động của nhiều yếu tố nên hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên còn nhiều hạn chế. Vì vậy việc làm thế nào để phát huy các yếu tố tạo động lực nghiên cứu khoa học cho sinh viên nhằm thúc đẩy phong trào nghiên cứu khoa học trong sinh viên là một trong những hoạt động cần được quan tâm hàng đầu đối với trường Đại học Khoa học. Qua việc sử dụng các phương pháp thu thập, xử lý thông tin, số liệu; điều tra bằng bảng hỏi, phỏng vấn sâu, quan sát..., bài viết làm rõ kết quả nghiên cứu về thực trạng các yếu tố tạo động lực nghiên cứu khoa học từ nhận thức của sinh viên, năng lực của giảng viên, chính sách của nhà trường, cơ sở vật chất, đến sự tham gia của các địa bàn nghiên cứu. Nghiên cứu cũng đưa ra các biện pháp nhằm phát huy các yếu tố tạo động lực nghiên cứu khoa học cho sinh viên trường Đại học Khoa học. Vì vậy, bài viết có ý nghĩa thực tiễn đối với sinh viên, trường Đại học Khoa học và là tài liệu tham khảo hữu ích cho những người quan tâm.
Ngày hoàn thiện: 29/12/2023	
Ngày đăng: 29/12/2023	

TỪ KHÓA

Các yếu tố tạo động lực
Nghiên cứu khoa học
Sinh viên
Trường Đại học Khoa học
Đại học Thái Nguyên

DOI: <https://doi.org/10.34238/tnu-jst.9267>

* Corresponding author. Email: thanhhuyen31282@gmail.com

1. Giới thiệu

Hiện nay, với sự phát triển của các hình thức đào tạo ở bậc đại học, sinh viên (SV) có nhiều cách tiếp cận với kiến thức lý thuyết và thực tiễn thông qua các phương pháp đa dạng và phong phú. Trong đó, hoạt động nghiên cứu khoa học (NCKH) được đánh giá là một trong những phương pháp hiệu quả để SV củng cố, mở rộng kiến thức và rèn luyện kỹ năng mềm của bản thân. Bên cạnh đó, hoạt động NCKH của SV cũng được quy định là một trong những hoạt động của SV trong cơ sở giáo dục đại học [1]. Trong những năm qua, trường Đại học Khoa học (ĐHKH), Đại học Thái Nguyên (ĐHTN) đã có nhiều biện pháp nhằm khuyến khích SV tham gia NCKH, nhưng hiệu quả chưa cao, chưa đạt được như kỳ vọng. Chính vì vậy, việc tạo động lực cho SV tích cực tham gia NCKH là vấn đề mà nhà trường cần quan tâm thúc đẩy trong giai đoạn hiện nay.

Hoạt động NCKH cho SV đã có nhiều công trình nghiên cứu ở các nội dung khác nhau. Trong đó có những công trình nghiên cứu chung về hoạt động NCKH của SV như đẩy mạnh hoạt động NCKH của SV [2]; nâng cao chất lượng NCKH của SV [3]; hay rèn luyện kỹ năng NCKH cho SV [4]. Bên cạnh đó, có nhiều bài viết tìm hiểu về thực trạng NCKH của SV tại một trường đại học [5] hay một ngành đào tạo cụ thể [6], [7], trên cơ sở đó đề xuất các biện pháp đẩy mạnh hoạt động NCKH của SV [8]. Đến gần hơn với vấn đề nghiên cứu, có các bài viết tìm hiểu về một số yếu tố tác động đến động lực NCKH của SV các trường đại học nói chung [9] hay SV tại một trường đại học cụ thể [10]. Tại trường ĐHKH, cũng có các tác giả nghiên cứu về vấn đề này theo cách tiếp cận các yếu tố tác động vật chất và phi vật chất [11].

Các kết quả nghiên cứu giúp tác giả có cái nhìn đa chiều và toàn diện hơn về hoạt động NCKH của SV, cũng như xác định rõ hơn các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động NCKH của SV. Khác với các công trình kể trên, trong bài viết, tác giả tiếp cận các yếu tố tạo động lực NCKH của SV trường ĐHKH - ĐHTN một cách toàn diện từ nhận thức của SV, năng lực của giảng viên hướng dẫn, chính sách của nhà trường, cơ sở vật chất phục vụ hoạt động NCKH của SV và đặc biệt đề cập đến yếu tố sự tham gia của các địa bàn nghiên cứu, từ đó đưa ra các biện pháp nhằm phát huy các yếu tố tạo động lực NCKH cho SV trường ĐHKH, ĐHTN. Đây chính là nội dung trọng tâm mà bài viết sẽ nghiên cứu.

Trong những năm qua, trường ĐHKH đã có nhiều chính sách nhằm khuyến khích SV tham gia NCKH như hỗ trợ kinh phí, cộng điểm ưu tiên vào học phần chuyên ngành... nhưng hiệu quả chưa cao, thể hiện ở số lượng SV tham gia NCKH còn hạn chế, chưa có nhiều giải thưởng các cấp dành cho sinh viên NCKH. Có nhiều yếu tố tác động dẫn đến tình trạng trên, trong đó có thể kể đến các yếu tố như nhận thức của SV; nhận thức, năng lực của giảng viên hướng dẫn; chính sách đối với hoạt động NCKH của SV; cơ sở vật chất phục vụ NCKH và sự tham gia của các địa bàn triển khai nghiên cứu. Phát huy tác động tích cực của các yếu tố tạo động lực NCKH của SV là vấn đề mà trường ĐHKH cần quan tâm nhằm thúc đẩy phong trào NCKH trong SV, góp phần nâng cao chất lượng dạy học của nhà trường. Qua việc thu thập, xử lý thông tin, số liệu; điều tra bằng bảng hỏi; phỏng vấn sâu; quan sát... bài viết hướng tới việc làm rõ thực trạng các yếu tố tạo động lực NCKH của SV, qua đó có những đánh giá và đưa ra biện pháp nhằm phát huy các yếu tố tạo động lực NCKH cho SV trường ĐHKH trong thời gian tới.

2. Phương pháp nghiên cứu

Trong bài viết, tác giả sử dụng phương pháp nghiên cứu tài liệu, thu thập thông tin qua sách, tạp chí, các thông tin khoa học về kết quả nghiên cứu có liên quan đã được công bố; các văn bản về hoạt động NCKH trong SV của Trường ĐHKH. Trên cơ sở đó tác giả tiến hành phân tích, tổng hợp, hệ thống hóa, khái quát hóa các tài liệu, thông tin thu thập được làm cơ sở nghiên cứu, luận giải vấn đề.

Tác giả cũng tiến hành khảo sát, quan sát tại địa bàn nghiên cứu để thu thập các thông tin phục vụ cho việc trình bày các luận cứ khoa học như quan sát về môi trường, cơ sở vật chất phục vụ hoạt động NCKH của SV, quan sát địa bàn triển khai hoạt động NCKH của SV...

Phương pháp phỏng vấn được thực hiện qua các cuộc gặp gỡ, trao đổi với 01 cán bộ quản lý bộ phận Khoa học công nghệ của nhà trường, 01 chuyên viên phụ trách hoạt động NCKH của SV; 06 giảng viên có tham gia hướng dẫn SV NCKH và 20 SV đã và đang tham gia hoạt động NCKH để làm sáng tỏ các yếu tố tạo động lực NCKH cho SV trường ĐHKH.

Đồng thời, tác giả thực hiện phương pháp điều tra bằng bảng hỏi qua hình thức phát phiếu khảo sát trực tiếp đến SV với kết quả thu về 270 phiếu hợp lệ (trong đó 62 phiếu của SV đã và đang làm NCKH). Mục đích nhằm tìm hiểu sự hiểu biết của SV về chính sách đối với hoạt động NCKH trong SV của trường ĐHKH, nhận thức của SV đối với hoạt động NCKH, đánh giá của SV về các yếu tố tạo động lực trong NCKH của SV tại trường ĐHKH.

Qua các số liệu, thông tin thu thập được, tác giả tiến hành phân tích, tổng hợp, xử lý thông tin, dữ liệu thu thập. Đối với nguồn dữ liệu thứ cấp: tác giả sử dụng số liệu thống kê đã được công bố từ những nguồn chính thức trên trang web, qua các báo cáo của nhà trường. Đối với nguồn dữ liệu sơ cấp: tác giả tiến hành nhập dữ liệu qua phần mềm Microsoft Excel và kết quả được cụ thể hóa qua các bảng số liệu, sơ đồ, biểu đồ góp phần làm sáng tỏ vấn đề nghiên cứu. Từ kết quả tổng hợp, phân tích dữ liệu, thông tin thu thập được, tác giả nhận biết, đánh giá và phân tích thực trạng các yếu tố tạo động lực NCKH của SV, trên cơ sở đó để đưa ra một số biện pháp nhằm thúc đẩy hơn nữa hoạt động NCKH trong SV của trường ĐHKH, ĐHTN.

3. Kết quả và bàn luận

Việc tham gia NCKH giúp SV củng cố kiến thức, vận dụng vào thực tiễn, rèn luyện tư duy phân tích, đánh giá và giải quyết vấn đề, đồng thời giúp các SV có cơ hội tạo ra các đóng góp mới và mang tính đột phá trong các lĩnh vực chuyên môn của mình. Tạo động lực NCKH cho SV có vai trò rất quan trọng trong việc khuyến khích SV tham gia các hoạt động NCKH, thúc đẩy các hoạt động NCKH tại trường đại học, có thể hiểu: *“Tạo động lực NCKH cho SV là tổng hợp các biện pháp và chính sách của nhà trường, sự phối hợp của các bên liên quan nhằm tạo điều kiện, khuyến khích, động viên SV nhiệt tình, hăng hái và nỗ lực hơn trong học tập, trong nghiên cứu, đem tất cả tài năng, sức lực để phục vụ cho mục tiêu đào tạo chung của nhà trường, đồng thời thỏa mãn những nhu cầu, mong muốn và nâng cao sức sáng tạo và phát huy tính tích cực cống hiến của chính SV”* [12, tr.12]. Trong bài viết, tác giả tiếp cận hoạt động tạo động lực NCKH cho SV qua các yếu tố: nhận thức của sinh viên về tầm quan trọng của NCKH; nhận thức và năng lực hướng dẫn của giảng viên hướng dẫn; chính sách của nhà trường; cơ sở vật chất phục vụ hoạt động NCKH và sự tham gia của các địa bàn khảo sát trong quá trình NCKH. Việc nghiên cứu này sẽ giúp định hướng cho các chính sách và giải pháp nhằm thúc đẩy và nâng cao hiệu quả hoạt động NCKH của SV tại trường ĐHKH.

3.1. Hoạt động NCKH của sinh viên trường Đại học Khoa học

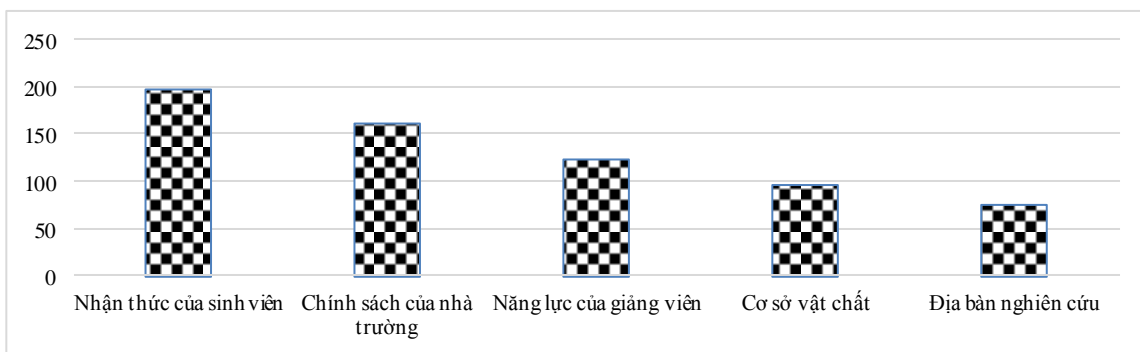
Theo số liệu thống kê của Viện Khoa học và Công nghệ, trường Đại học Khoa học giai đoạn 2017-2022 có 261 đề tài sinh viên NCKH được phê duyệt với 429 sinh viên làm đề tài NCKH. Giai đoạn 2017-2022 số lượng đề tài NCKH của SV được phê duyệt có nhiều biến động: năm 2017 là 50 đề tài, năm 2018 và 2019 giảm mạnh còn lần lượt là 34 – 31 đề tài. Lý do là do năm 2018, 2019 do tác động của nhiều yếu tố, quy mô tuyển sinh của nhà trường giảm mạnh so với các năm trước đó. Đến năm 2020, 2021 dần bước qua giai đoạn khó khăn, quy mô tuyển sinh tăng lên và hoạt động NCKH của sinh viên cũng được quan tâm nhiều hơn nên số đề tài sinh viên tham gia NCKH cũng tăng dần lên lần lượt là 40 – 47 đề tài và đến năm 2022 số đề tài sinh viên làm NCKH được phê duyệt là 56 đề tài [13].

Từ năm 2020 trở về trước tỉ lệ sinh viên tham gia NCKH trên tổng số sinh viên toàn trường chưa đạt 2%, có những năm chỉ đạt 1,25% (năm 2018), do quy mô sinh viên chính quy toàn trường có giảm hơn so với năm trước. Nhưng từ năm 2021 tỉ lệ này đã tăng lên trên 10%, trong năm 2022 tỉ lệ này còn đạt 11% trong tổng số sinh viên toàn trường. Một phần nguyên nhân của kết quả đạt được này là do hoạt động NCKH của SV ngày càng được quan tâm, nhà trường có nhiều chính sách

động viên, khuyến khích sinh viên NCKH, giảng viên đặc biệt là giáo viên chủ nhiệm cũng khuyến khích SV tham gia theo từng nhóm thay vì độc lập để làm quen dần với môi trường NCKH. Mặc dù vậy, số lượng đề tài, số lượng SV NCKH vẫn chưa tương xứng với tiềm lực của đội ngũ giảng viên nhà trường, cũng như nhiều SV còn khá thờ ơ với hoạt động NCKH. Vì vậy, cần phải làm rõ các yếu tố tạo động lực cũng như có những biện pháp khuyến khích NCKH trong SV.

3.2. Thực trạng các yếu tố tạo động lực nghiên cứu khoa học cho sinh viên

Như đã trình bày, trong bài viết, tác giả tiếp cận hoạt động tạo động lực NCKH cho SV qua các yếu tố: nhận thức của sinh viên về tầm quan trọng của NCKH; nhận thức và năng lực hướng dẫn của giảng viên hướng dẫn; chính sách của nhà trường; cơ sở vật chất phục vụ hoạt động NCKH và sự tham gia của các địa bàn khảo sát trong quá trình NCKH. Qua khảo sát tại hình 1 cho thấy yếu tố nào cũng có tác động đến động lực NCKH của SV, tuy nhiên mức độ tác động của mỗi yếu tố được đánh giá khác nhau. Trong đó, yếu tố nhận thức của SV được đánh giá mức tác động cao nhất, sau đó đến yếu tố chính sách của nhà trường, năng lực, phẩm chất của giảng viên hướng dẫn, cơ sở vật chất phục vụ hoạt động NCKH và cuối cùng là sự tham gia của các địa bàn nghiên cứu.



Hình 1. Mức độ tác động của các yếu tố tạo động lực NCKH của sinh viên (ĐVT: Người)

3.2.1. Nhận thức của sinh viên đối với nghiên cứu khoa học

Qua kết quả điều tra về nhận thức của SV đối với hoạt động NCKH cho thấy rằng SV còn hạn chế hiểu biết về NCKH (tỉ lệ sinh viên không hiểu lắm và không hiểu gì về NCKH chiếm 58,9%); không đánh giá cao vai trò của hoạt động NCKH trong quá trình học tập tại trường đại học (55,5%); chưa có kinh nghiệm làm việc nhóm trong hoạt động NCKH (40,4%); NCKH là một việc khó (35,1%); gặp khó khăn trong việc lựa chọn đề tài phù hợp với thực tiễn, trình độ kiến thức và phù hợp với ngành nghề được đào tạo (15,0%); việc thành lập nhóm để thực hiện đề tài NCKH cũng không dễ dàng (5,5%). Từ kết quả về tỉ lệ SV không hiểu lắm về hoạt động NCKH cũng như không đánh giá cao vai trò của hoạt động NCKH trong quá trình học tập tại trường đại học cho thấy biện pháp tuyên truyền, giáo dục của nhà trường, của giảng viên về tầm quan trọng của hoạt động NCKH đối với SV còn hạn chế. Để khắc phục hạn chế trên, cần có những biện pháp tuyên truyền, giáo dục để giúp SV hiểu rõ hơn về NCKH và tầm quan trọng của hoạt động NCKH trong quá trình học tập và nghiên cứu tại trường đại học; đồng thời, tăng cường đào tạo kỹ năng, phát huy vai trò định hướng của giảng viên hướng dẫn trong hoạt động NCKH của SV.

3.2.2. Chính sách của Trường Đại học Khoa học

Trong những năm qua, trường ĐHKH đã chú trọng, quan tâm đến hoạt động NCKH nói chung và NCKH trong SV nói riêng, thể hiện qua nhiều chính sách được áp dụng nhằm động viên, khuyến khích SV NCKH như: được hỗ trợ kinh phí thực hiện công trình NCKH (mức hỗ trợ năm 2023 là 3 triệu đồng); được ưu tiên sử dụng các thiết bị sẵn có của nhà trường để tiến hành NCKH; được ưu tiên xét học bổng; xét các danh hiệu thi đua, khen thưởng nếu SV có thành tích NCKH xuất sắc (SV phải đạt kết quả rèn luyện từ loại Khá trở lên); được cộng điểm vào một học phần

chuyên ngành (xuất sắc cộng 1,5 điểm; tốt cộng 1,0 điểm và khá cộng 0,5 điểm)... [14], [15]. Những chính sách trên giúp tạo ra một môi trường thuận lợi cho SV thực hiện NCKH và đạt được những kết quả nhất định trong NCKH. Tuy nhiên, xuất phát từ nhận thức của SV còn hạn chế, sự quan tâm của SV đối với hoạt động NCKH chưa đủ lớn, bên cạnh đó, việc tuyên truyền các chính sách của nhà trường đối với hoạt động này chưa đủ mạnh nên vẫn có nhiều SV chưa biết về các chính sách liên quan đến NCKH của SV. Theo kết quả khảo sát chỉ có 22,9% số SV biết về các chính sách liên quan đến hoạt động NCKH của SV, đây là con số khá thấp và có thể giải thích tại sao nhiều SV không nhận ra tầm quan trọng của hoạt động NCKH. 80,7% SV đã tham gia NCKH cho rằng kinh phí giành cho NCKH là không đủ để hỗ trợ hoạt động này... Qua quan sát cũng cho thấy một trong những hạn chế nữa đó là chưa tạo ra sự khác biệt nhiều giữa SV có tham gia và không tham gia NCKH. Điều này càng làm giảm sự thu hút đối với SV tham gia NCKH.

3.2.3. Nhận thức, năng lực của giảng viên hướng dẫn

Tính đến tháng 12/2022, nhà trường có 181 giảng viên, trong đó có 11 phó giáo sư, 89 tiến sĩ [16]. Nhận thức của giảng viên về tầm quan trọng của NCKH đối với SV là rất cao: 100% giảng viên được hỏi đều hiểu rõ NCKH là cách để SV rèn luyện và phát triển các kỹ năng mềm như tư duy sáng tạo, tư duy phản biện, kỹ năng nghiên cứu và giải quyết vấn đề. Ngoài ra, giảng viên tại trường còn có năng lực hướng dẫn tốt đối với SV trong việc làm NCKH. Qua kết quả điều tra cho thấy phần lớn giảng viên hướng dẫn NCKH luôn động viên, khuyến khích, tạo điều kiện cho SV trong quá trình thực hiện đề tài (85,5%); 85,4% ý kiến của sinh viên đã và đang tham gia NCKH đánh giá năng lực của giảng viên hướng dẫn ở mức tốt và rất tốt; thái độ, sự nhiệt tình của giảng viên được đánh giá tương đối cao (77,4% ý kiến đánh giá ở mức tốt và rất tốt). Nhưng bên cạnh đó còn một số ý kiến đánh giá giảng viên chưa thực sự làm tốt công tác động viên, khuyến khích SV trong quá trình thực hiện đề tài (14,5%); một số giảng viên có thái độ chưa nhiệt tình trong quá trình hướng dẫn (9,7%); một số giảng viên chưa có định hướng nghiên cứu thiết thực cho SV dẫn đến khó khăn trong việc triển khai hoặc định hướng nghiên cứu theo lối mòn (17,7%). Nguyên nhân của tình trạng trên một mặt do một bộ phận GV còn thờ ơ với hoạt động NCKH của SV, chưa chủ động trau dồi, tìm hướng nghiên cứu mới để định hướng cho SV; mặt khác do cán bộ quản lý của nhà trường chưa sát sao trong việc kiểm tra tiến độ, đánh giá năng lực, tinh thần, thái độ của giảng viên trong quá trình hướng dẫn SV làm NCKH. Chính sự định hướng nghiên cứu, tinh thần, thái độ hướng dẫn của giảng viên sẽ ảnh hưởng trực tiếp tới động lực NCKH, cũng như kết quả công trình NCKH của SV.

3.2.4. Cơ sở vật chất phục vụ nghiên cứu khoa học

Trong những năm qua, cơ sở vật chất của trường ĐHKH đã được cải thiện đáng kể, đáp ứng cơ bản hoạt động NCKH của giảng viên và SV với hệ thống phòng thí nghiệm, thực hành phục vụ tốt hoạt động NCKH các khối ngành tự nhiên. Ngoài ra, trung tâm học liệu và thư viện kết nối với nhiều nguồn tài liệu đa dạng và cập nhật, đóng vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ SV và giảng viên tìm kiếm và nghiên cứu tài liệu. Sự đa dạng và phong phú của tài liệu cũng giúp cho SV có thể tự học và nghiên cứu một cách đa dạng và hiệu quả. Tuy nhiên, qua kết quả khảo sát, vẫn tồn tại những hạn chế trong hệ thống cơ sở vật chất để giúp hoạt động NCKH của sinh viên phát huy hiệu quả: Trang bị phòng thí nghiệm, thực hành chưa hiện đại và chưa đáp ứng được nhu cầu của giảng viên, SV trong việc thực hiện các nghiên cứu, đặc biệt là các mẫu vật còn hạn chế (56,5%); Thư viện chưa có đủ đầu sách và tài liệu tham khảo phong phú để đáp ứng nhu cầu học tập và nghiên cứu của SV đặc biệt là đối với các khối ngành xã hội, lĩnh vực quản lý (74,2%); Internet chưa phủ sóng tốt trong các khu vực quan trọng như ký túc xá, thư viện, lớp học, ảnh hưởng đến hoạt động tìm kiếm và sử dụng thông tin của SV trong tra cứu và truy xuất dữ liệu (83,9%)... Có thể nói, cơ sở vật chất của nhà trường ảnh hưởng rất lớn đến chất lượng hoạt động NCKH của SV. Việc nâng cao trang bị cơ sở vật chất và đầu tư vào thư viện, phòng thí nghiệm và mạng Internet sẽ giúp cải thiện chất lượng đào tạo và NCKH của SV trong nhà trường.

3.2.5. Sự tham gia của các địa bàn khảo sát

Trường ĐHKH đã có nhiều hoạt động hợp tác và phối hợp với các đơn vị địa phương trong lĩnh vực NCKH. Cụ thể, trường đã tham gia vào nhiều dự án nghiên cứu cấp Nhà nước, chuyên giao khoa học và công nghệ cấp tỉnh và các dự án nghiên cứu hợp tác giữa các đơn vị trong và ngoài nước; thiết lập nhiều mối quan hệ hợp tác với chính quyền ở các địa phương SV đến thực tế, thực tập; các tổ chức và doanh nghiệp tại Thái Nguyên và các tỉnh thành khác. Đa số các đơn vị đều tạo điều kiện cho SV khi đến thực tập, thực tế về cung cấp thông tin, số liệu (80,6%). Tuy nhiên, việc hỗ trợ của các cơ quan, địa bàn trong quá trình SV triển khai nhiệm vụ NCKH cũng còn nhiều hạn chế. Có một thực tế hầu hết các đề tài NCKH của SV thường mang tính học thuật, những vấn đề về ngành học hay xã hội mà chưa mang tính ứng dụng thực tiễn cao, chưa phản ánh được tình trạng thực chất của các đơn vị, tổ chức trên thực tế. Chính vì vậy mà sự hỗ trợ của các cơ quan, đơn vị, địa bàn trong việc SV triển khai NCKH chưa thực sự có hiệu quả, điều này thể hiện qua 77,4% ý kiến đánh giá của SV đã và đang làm NCKH, vì các thông tin, số liệu cung cấp chủ yếu là các báo cáo tổng kết, các số liệu chung, còn các thông tin, số liệu sâu ở các lĩnh vực nghiên cứu rất khó để tiếp cận.

Qua tìm hiểu thực trạng các yếu tố tạo động lực NCKH cho SV trường ĐHKH, tác giả nhận thấy: trường ĐHKH ngày càng quan tâm đến hoạt động NCKH của SV, thể hiện qua nhiều chính sách được áp dụng nhằm động viên, khuyến khích SV NCKH; giảng viên có nhận thức và năng lực hướng dẫn NCKH tốt; cơ sở vật chất của trường ĐHKH đã được cải thiện đáng kể, đáp ứng cơ bản hoạt động NCKH của SV; nhà trường đã có nhiều hoạt động hợp tác và phối hợp với các đơn vị, địa phương trong lĩnh vực NCKH. Tuy nhiên, cũng qua tìm hiểu thực trạng, tác giả cũng nhìn nhận thấy những hạn chế trong hoạt động NCKH của SV như: SV chưa nhận thức đúng mức về tầm quan trọng của hoạt động NCKH; nhận thức, năng lực của một số giảng viên hướng dẫn còn hạn chế; chính sách đối với hoạt động NCKH trong SV của nhà trường chưa được tuyên truyền, phổ biến rộng rãi và chưa thực sự thu hút SV tham gia NCKH; cơ sở vật chất phục vụ NCKH tuy được cải thiện nhưng chưa đáp ứng được kỳ vọng của SV NCKH và sự tham gia của các địa bàn triển khai nghiên cứu chưa thực sự hiệu quả.

Những hạn chế trên là nguyên nhân khiến cho hoạt động NCKH của SV trường ĐHKH không đạt được kết quả như kỳ vọng, chưa tương xứng với tiềm lực của nhà trường. Vì vậy, cần phải có những biện pháp phát huy các yếu tố tạo động lực NCKH cho SV trường ĐHKH, nhằm thúc đẩy và nâng cao hiệu quả hoạt động NCKH của SV tại trường ĐHKH.

3.3. Biện pháp thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên

3.3.1. Đẩy mạnh tuyên truyền, nâng cao nhận thức về nghiên cứu khoa học cho sinh viên

Đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục và đào tạo kỹ năng NCKH cho SV nhằm nâng cao nhận thức của SV về hoạt động NCKH, giúp SV hiểu rõ hơn về NCKH và tầm quan trọng của hoạt động NCKH trong quá trình học tập và nghiên cứu tại trường. Các biện pháp cụ thể như:

- Tuyên truyền về lợi ích, tầm quan trọng của hoạt động NCKH trong học tập và thực tiễn qua các buổi sinh hoạt lớp, sinh hoạt đầu khoá, lồng ghép vào nội dung các học phần giảng dạy về phương pháp NCKH, các học phần chuyên ngành, cơ sở ngành...

- Tổ chức Hội nghị SV NCKH hàng năm như một kênh tuyên truyền, khuyến khích SV tham gia hoạt động NCKH, trong đó lựa chọn và tôn vinh các công trình NCKH của SV ở từng lĩnh vực để tạo ra sân chơi, sự kết nối của các SV đam mê làm NCKH.

- Tổ chức các buổi tư vấn, chia sẻ kinh nghiệm về hoạt động NCKH của SV với sự tham gia của giảng viên, SV đạt thành tích NCKH cao, các chuyên gia... để giúp sinh viên hiểu rõ hơn về giá trị và lợi ích của hoạt động này.

- Phát động các cuộc thi về “Ý tưởng sinh viên” và tổ chức các khóa đào tạo về “Ươm mầm khởi nghiệp” thu hút sự tham gia tích cực của đông đảo SV. Thông qua các cuộc thi, diễn đàn về khởi nghiệp đã cung cấp kiến thức, kỹ năng, hỗ trợ các điều kiện ban đầu để SV khởi nghiệp, lập

nghiệp, tạo cơ hội cho SV được gặp gỡ, giao lưu với các chuyên gia, hình thành những ý tưởng khởi nghiệp, ý tưởng NCKH gắn bó với chính ngành học của mình, đưa lý thuyết vào thực tiễn.

- Tạo các kênh thông tin về hoạt động NCKH: Nhà trường có thể tạo các kênh thông tin như website, fanpage, trang thông tin điện tử để cung cấp thông tin về hoạt động NCKH đến SV. Xây dựng cộng đồng NCKH của SV, tạo điều kiện để SV có thể trao đổi ý tưởng và học hỏi kinh nghiệm từ những người có kinh nghiệm NCKH.

- Trong thiết kế chương trình đào tạo cần dành thời lượng phù hợp cho việc phát triển kỹ năng NCKH, tạo điều kiện để SV có cơ hội thực hành và tiếp cận với các công cụ, phương pháp NCKH trong suốt quá trình học tập.

3.3.2. Tăng cường chính sách khuyến khích, hỗ trợ sinh viên nghiên cứu khoa học

Tăng cường chính sách khuyến khích, hỗ trợ SV NCKH nhằm hỗ trợ SV tham gia NCKH, qua đó thúc đẩy phong trào NCKH trong SV.

- Tăng cường hỗ trợ về kinh phí cho đề tài NCKH của SV, từ năm học 2023, mức hỗ trợ kinh phí cho 01 đề tài NCKH của SV được nghiệm thu đạt là 3 triệu đồng. Đây cũng là một bước tiến lớn trong chính sách khuyến khích NCKH trong SV của trường ĐHKH.

- Đẩy mạnh hợp tác, liên kết với các tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp trong việc xin tài trợ, hỗ trợ các đề tài NCKH, chương trình, dự án có sự tham gia của SV.

- Khuyến khích SV tham gia các nhóm nghiên cứu cùng giảng viên để tích lũy kinh nghiệm và rèn luyện kỹ năng NCKH.

- Đưa ra các định hướng, hướng dẫn và hỗ trợ kỹ thuật cho SV trong quá trình thực hiện đề tài NCKH, bao gồm hỗ trợ về tài liệu và công nghệ, giúp SV có thể tiếp cận thông tin và công nghệ mới nhất để thực hiện nghiên cứu của mình.

- Khuyến khích các hình thức thi tiểu luận, báo cáo chuyên đề để tăng khả năng nhận diện, phân tích, giải quyết vấn đề của SV trong học tập.

- Có chính sách khen thưởng thỏa đáng đối với SV có thành tích NCKH cao song song với học bổng dành cho SV có kết quả học tập cao, bởi công trình NCKH vừa thể hiện năng lực học tập, vừa phản ánh khả năng NCKH của SV.

- Khuyến khích giảng viên, các nhà khoa học của nhà trường tham gia đề xuất, đặt hàng, chủ trì và phối hợp thực hiện các nhiệm vụ khoa học công nghệ các cấp. Đồng thời các giảng viên, nhà khoa học của nhà trường cần tích cực hướng dẫn, hỗ trợ, khuyến khích SV cùng tham gia khảo sát, nghiên cứu định hướng phát triển của các địa bàn khảo sát, đẩy mạnh các hoạt động chuyển giao công nghệ tại doanh nghiệp, đồng thời phát hiện những vấn đề bức xúc cần nghiên cứu để phục vụ các mục tiêu phát triển xã hội.

3.3.3. Nâng cao năng lực, trách nhiệm của giảng viên hướng dẫn

Nâng cao trách nhiệm của giảng viên hướng dẫn NCKH, đồng thời tăng cường giám sát và đánh giá định kỳ để đảm bảo chất lượng hướng dẫn NCKH tốt nhất cho SV.

- Tăng cường nhận thức của giảng viên về ý nghĩa, vai trò của hoạt động NCKH trong SV. Việc hướng dẫn SV NCKH vừa là trách nhiệm, vừa là nghĩa vụ đối với giảng viên. Qua hướng dẫn SV NCKH, giảng viên trau dồi được kiến thức chuyên môn, phương pháp nghiên cứu, đồng thời qua đó cũng học hỏi, mở mang được nhiều kiến thức thực tế qua những kết quả nghiên cứu của SV.

- Nâng cao năng lực định hướng của giảng viên: Trong thời đại công nghệ thông tin bùng nổ, việc lựa chọn các đề tài mang tính thời sự, ứng dụng vào thực tế, giải quyết các vấn đề đang đặt ra cho đơn vị, doanh nghiệp và cuộc sống sẽ giúp cho GV nâng cao tính năng động, sáng tạo. Đó là nền tảng để GV định hướng hoặc đặt ra các vấn đề nghiên cứu giúp SV xác định được các vấn đề nào sẽ phù hợp với năng lực NCKH của mình, đồng thời đáp ứng được yêu cầu của xã hội.

- Giảng viên cần tự trau dồi, chủ động tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng về phương pháp giáo dục, cập nhật các phương pháp NCKH hiện đại. Qua đó nâng cao năng lực hướng dẫn, giúp cho SV được hỗ trợ tốt hơn trong hoạt động NCKH. Tuy nhiên, để giải pháp này đạt hiệu quả

cao, trường cần đảm bảo chất lượng của chương trình đào tạo và huấn luyện, đồng thời cần tạo điều kiện cho giảng viên tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng một cách đầy đủ và chủ động.

- Nhà trường cần tăng cường giám sát quá trình hướng dẫn SV làm NCKH của giảng viên và đánh giá sau mỗi đợt nghiệm thu NCKH của SV để đảm bảo chất lượng hướng dẫn NCKH tốt nhất cho SV, qua các phiếu khảo sát, đánh giá của SV về năng lực, thái độ, trách nhiệm của giảng viên trong quá trình hướng dẫn. Điều này sẽ giúp giảng viên hiểu được điểm mạnh và điểm yếu của mình trong việc hướng dẫn SV NCKH, từ đó có các giải pháp cải thiện và nâng cao chất lượng hướng dẫn.

3.3.4. Đầu tư cơ sở vật chất phục vụ hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên

- Nâng cấp phòng thí nghiệm: Nhà trường nên đầu tư vào việc nâng cấp phòng thí nghiệm bằng cách cập nhật thiết bị và trang thiết bị hiện đại như trang bị máy phân tích độ phân giải cao để phục vụ cho các dự án nghiên cứu về khoa học vật liệu.

- Mở rộng phòng máy tính: Với sự phát triển của công nghệ, đầu tư vào các phòng máy tính hiện đại và các thiết bị công nghệ mới như máy tính đám mây sẽ giúp giảng viên và SV có thể sử dụng các công cụ và phần mềm quản lý NCKH mới nhất.

- Tạo dựng phòng nghiên cứu chuyên dụng, phù hợp với từng nhóm ngành. Ví dụ, phòng nghiên cứu về bệnh học sẽ được trang bị các thiết bị và trang bị cho thiết bị y tế hiện đại nhất để giúp các nhà nghiên cứu có thể tiến hành các dự án nghiên cứu hiệu quả.

- Tăng cường hệ thống mạng và kết nối Internet: Truy cập Internet là cần thiết để tìm kiếm thông tin về nghiên cứu và trao đổi với các nhà khoa học khác trên toàn cầu. Đầu tư vào mạng lưới và kết nối Internet nhanh và ổn định sẽ giúp SV truy cập dữ liệu và thông tin nghiên cứu một cách dễ dàng và thuận tiện hơn.

- Bổ sung học liệu trên hệ thống thư viện: Nguồn tài liệu nghiên cứu, sách, báo chí, tạp chí, tài liệu điện tử và các tài nguyên trực tuyến phong phú là một trong những điều kiện giúp giảng viên và SV dễ dàng truy cập thông tin và tài liệu liên quan đến các lĩnh vực nghiên cứu.

3.3.5. Đẩy mạnh hợp tác, liên kết với các địa bàn nghiên cứu

Đẩy mạnh hợp tác, liên kết với các địa bàn nghiên cứu (cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp) trong triển khai hoạt động NCKH của SV.

- Kết hợp trong các ngày hội việc làm, tổ chức triển lãm các sản phẩm NCKH của SV, nhất là các sản phẩm có tính ứng dụng để giới thiệu và thu hút sự quan tâm của các đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp tham dự. Thương mại hóa các sản phẩm trong các cuộc thi SV NCKH nhằm tăng tính ứng dụng NCKH vào thực tiễn.

- Nhà trường cần xác định mũi nhọn trong NCKH định hướng ứng dụng của SV gắn với việc đáp ứng nhu cầu thực tiễn của các tổ chức, doanh nghiệp.

- Song song với việc triển khai các đề tài, dự án khoa học và công nghệ các cấp, nhà trường cần tăng cường mối quan hệ với địa phương, tiếp cận với các chương trình chuyển giao khoa học công nghệ. Trong đó, nhà trường tập trung vào những lĩnh vực nghiên cứu thế mạnh trong nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu ứng dụng hoá học, vật lý, sinh học... trong phát triển nông, lâm nghiệp là lợi thế trong phát triển kinh tế của các tỉnh vùng Trung du miền núi phía Bắc nhằm phát triển và khai thác tối đa những tiềm năng, thế mạnh ở mỗi địa phương.

4. Kết luận

Trong những năm qua, hoạt động NCKH của SV được trường ĐHKH quan tâm, chú trọng đẩy mạnh thể hiện qua các chính sách động viên, khuyến khích SV NCKH; nhận thức và năng lực hướng dẫn NCKH của giảng viên tốt; cơ sở vật chất của trường ĐHKH đã được cải thiện đáng kể, đáp ứng cơ bản hoạt động NCKH của SV; nhà trường đã có nhiều hoạt động hợp tác và phối hợp với các đơn vị, địa phương trong lĩnh vực NCKH. Tuy nhiên, bên cạnh đó cũng tồn tại những hạn chế trong nhận thức của SV về tầm quan trọng của hoạt động NCKH; trong nhận thức, năng lực của một số giảng viên hướng dẫn; chính sách đối với hoạt động NCKH trong SV của nhà trường chưa thực sự khuyến khích SV tham gia NCKH; cơ sở vật chất phục vụ NCKH chưa đáp ứng

được kỳ vọng của SV NCKH và sự tham gia của các địa bàn trong qua trình triển khai các đề tài NCKH của SV chưa thực sự hiệu quả. Vì vậy, để nâng cao hiệu quả hoạt động NCKH của SV cần phải khắc phục những hạn chế, qua việc áp dụng các biện pháp phát huy tác động tích cực các yếu tố tạo động lực NCKH cho SV trường ĐHKH như: Đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục và đào tạo kỹ năng để giúp SV hiểu rõ hơn về NCKH và tầm quan trọng của hoạt động NCKH trong quá trình học tập và nghiên cứu tại trường; Tăng cường chính sách khuyến khích, hỗ trợ SV NCKH của nhà trường; Nâng cao hơn nữa tinh thần, thái độ của giảng viên hướng dẫn NCKH, đồng thời tăng cường giám sát và đánh giá định kỳ để đảm bảo chất lượng hướng dẫn NCKH tốt nhất cho SV; Đầu tư cơ sở vật chất phục vụ hoạt động NCKH của SV; Đẩy mạnh hợp tác, liên kết với các địa bàn nghiên cứu trong triển khai hoạt động NCKH của SV. Từ kết quả nghiên cứu trên có thể mở ra một hướng nghiên cứu mới về tăng cường sự gắn kết giữa các trường đại học với các đơn vị, doanh nghiệp trong hoạt động đào tạo, NCKH và chuyển giao công nghệ trong thời gian tới.

TÀI LIỆU THAM KHẢO/ REFERENCES

- [1] Government, *Decree No. 109/2022/ND-CP dated December 30, 2022 Regulations on science and technology activities in higher education institutions*, Hanoi, 2022.
- [2] T. T. Nguyen, "Promoting student research activities - Push button to improve the quality of training by credit," *Vietnam Journal of Education*, special issue, pp. 42-44, April 2015.
- [3] T. T. U. Luong, "Improve the quality of students' scientific research," *Vietnam Journal of Education*, special issue, pp. 103-106, November 2016.
- [4] T. X. H. Nguyen, "Current status and measures to train scientific research skills for students," *Quang Binh Journal Science & Technology Information*, no. 3, pp. 48-50, 2016.
- [5] M. Q. Nguyen, "Promoting scientific research activities among students at Tien Giang University," *Vietnam Journal of Education*, no. 489, pp. 55-59, 2020.
- [6] T. T. Huynh, "Current status and measures to develop scientific research activities of students majoring in Information and Library at Can Tho University," *Vietnam Journal of Education*, no. 487, pp. 36-50, 2021.
- [7] T. T. H. Nguyen, "Current status and proposed measures to improve scientific research activities of Engineering students at Hai Phong University," *Vietnam Journal of Education*, no. 375, pp. 9-11, 2016.
- [8] T. T. V. Ngo and T. T. Le, "Some solutions to promote scientific research activities of students in the faculty of foreign languages - Thai Nguyen University," *TNU Journal of Science and Technology*, vol. 169, no. 3, pp. 103-107, 2019.
- [9] Q. V. Pham, V. T. Le, V. K. Huynh, and T. X. Hoang, "Some factors impact students' scientific research motivation," *Vietnam Journal of Transportation Science and Technology*, no. 30-11, pp. 88-85, 2018.
- [10] T. M. D. Nguyen and M. T. Nguyen, "Analyzing factors affecting the motivation to participate in scientific research of students at Ho Chi Minh City University of Agriculture and Forestry," *Vietnam Trade and Industry Review*, 2022. [Online]. Available: <https://tapchicongthuong.vn/bai-viet/phan-tich-cac-yeu-to-anh-huong-den-dong-luc-tham-gia-nghien-cuu-khoa-hoc-cua-sinh-vien-truong-dai-hoc-nong-lam-thanh-pho-ho-chi-minh-99872.html>. [Accessed July 10, 2023].
- [11] T. H. Tran and H. Y. Pham, "Factors affecting the scientific research motivation of students at the University of Sciences - Thai Nguyen University," *Dong Thap University Journal of Science*, no. 26, pp. 59-67, 2017.
- [12] T. M. P. Truong, "Motivating scientific research for students at the University of Sciences, Thai Nguyen University," Student scientific research project, University of Sciences, Thai Nguyen University, 2023, p. 12.
- [13] Institute of Science and Technology, *Statistical report on the number of students doing scientific research and scientific research achievements of the University of Sciences in the period 2017-2022*, University of Sciences, Thai Nguyen University, 2022.
- [14] University of Sciences, *Decision No. 860/QĐ-DHKH-KHCN dated December 25, 2014 of the Rector of the University, Faculty promulgating Regulations on scientific research activities of students of the University of Sciences*, Thai Nguyen University, 2014.
- [15] University of Sciences, *Decision No. 1058/QĐ-DHKH-KHCN dated October 27, 2017 of the Rector of the University of Sciences on amending and supplementing a number of articles in the Regulations on scientific research activities of the University's students Faculty of Science*, Thai Nguyen University, 2017.
- [16] University of Sciences - Thai Nguyen University, *Conference report summarizing the 2022-2023 school year*, 2023.